

Bản án số: 33/2018/HS-ST
Ngày 27 - 11 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Xuân Diệu

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Công Nghĩa và bà Trần Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: ông Mai Anh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2018/TLST-HS ngày 06/11/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXXST-HS ngày 06/11/2018, đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T, sinh ngày 10 tháng 3 năm 1971 tại Quảng Bình; nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 3/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M và bà Trần Thị C; vợ là Trần Thị H và 03 người con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 25/9/1999, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 26 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ” và “Gây rối trật tự công cộng”; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

2. Lương Văn T2, sinh ngày 14 tháng 12 năm 1989 tại Nghệ An; nơi cư trú: Xóm 5, xã H, huyện Ngh, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 5/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Bá Q và bà Vy Thị L; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/8/2018 đến ngày 18/10/2018 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”. Có mặt tại phiên tòa.

3. Lương Văn T1, sinh ngày 04 tháng 10 năm 1989 tại Nghệ An; nơi cư trú: Xóm 5, xã H, huyện Ngh, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 7/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn K và bà Lương Thị Đ; vợ là Nguyễn Thị Th và có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/8/2018 đến ngày 18/10/2018 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”. Có mặt tại phiên tòa.

4. Hà Văn L, sinh ngày 24 tháng 01 năm 1987 tại Nghệ An; nơi cư trú: xóm Xuân 2, xã L, huyện Ngh, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn T3 và bà Lương Thị Ch; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/8/2018 đến ngày 18/10/2018 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Bảo lĩnh”. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

+ Anh Nguyễn Tiến Đ – sinh năm 1992, nơi cư trú: Tổ dân phố 9, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Anh Hồ Đắc Th – sinh năm 1989, nơi cư trú: thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Trần Đình Th1 – sinh năm 1963, nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

+ Chị Trần Thị H – sinh năm 1972, nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

+ Anh Lương Văn H – sinh năm 1985, nơi cư trú: Xóm 5, xã H, huyện Ngh, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

Anh Lương Văn X – sinh năm 1992, nơi cư trú: Xóm 5, xã H, huyện Ngh, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 28/8/2018, sau khi ăn cơm cùng với Trần Văn T, Lương Văn T1, Hà Văn L tại nhà của Trần Văn T tại Tổ dân phố C, phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, Lương Văn T2 đi sang công trường xây dựng Trường Mầm non Quảng Thuận ở bên cạnh nhà Trần Văn T chơi và nằm tại giường của bảo vệ đặt tại hành lang nhà kho của công trường. Một lúc sau thì thấy Trần Văn T cùng với Lương Văn T1 cũng đi sang chơi và cả ba cùng ngồi nói chuyện tại đây. Trong khi nói chuyện thì Trần Văn T nói với Lương Văn T2 và Lương Văn T1: “Đồ của hấn đó cho bây lấy mà bán hết đi, bọn hấn nói tau là thằng chột mắt”. Nghe vậy, Lương Văn T1 đi tìm lấy được một thanh sắt dài khoảng 80cm hai đầu dẹp, cùng với Lương Văn T2 đi lại trước cửa để cạy ổ khóa phòng kho của anh Nguyễn Tiến Đ và Hồ Đắc Th đựng các loại máy móc hàn xì. Khi T1 và Lương Văn T2 chưa cạy được cửa thì Trần Văn T đi tới nói: “Cạy ở đó không cạy được mô” nên cả hai mang thanh sắt đi ra phía sau phòng kho còn Trần Văn T lại nằm trên giường bảo vệ. T1 và Lương Văn T2 đi ra phía sau phòng kho định mở cửa sổ nhưng cửa cũng đã đóng và thấy trên cửa có chốt bằng đinh vít nên Lương Văn T2 đi về nhà của Trần Văn T lấy một cái tuốc nơ vít dài khoảng 20cm loại 4 châu quay lại cùng với T1 mở ốc vít cửa sổ phòng kho nhưng vẫn không được. Vì vậy, T1 lấy thanh sắt trước đó tìm

được cạy cửa sổ phòng kho làm cửa sổ bật ra. T1 đứng ngoài còn Lương Văn T2 trèo vào phòng kho lục tìm tài sản và lấy được một máy hàn điện đưa qua cửa sổ ra cho T1. Lúc này L đi ngang qua thấy T1 và Lương Văn T2 đang lấy trộm tài sản nên Lương Văn T2 nói với L: “Xách cái máy hàn vô tau cái”, L không nói gì và đi tới chỗ cửa sổ rồi xách máy hàn Lương Văn T2 vừa lấy ra rồi đi theo con đường nối giữa nhà của Trần Văn T và công trình Trường Mầm non xã T, khi đến gần nhà Trần Văn T thì L để chiếc máy hàn bên đường rồi đi sang nhà hàng xóm chơi.

Cùng lúc đó, sau khi L xách máy hàn đi thì T1 chui vào phòng kho cùng lục tìm tài sản với Lương Văn T2, T1 tìm lấy được 01 máy khoan bê tông và 01 máy hàn điện, Lương Văn T2 lấy được 02 máy hàn và 01 máy đục bê tông và đều mang ra ngoài theo đường cửa sổ. Sau đó, T1 về nhà Tiến lấy máy hàn của mình đưa ra cho Lương Văn T2 hàn và mài lại cửa sổ đã bị cạy phá. Lúc này, Trần Văn T đi tới chỗ của T1 và Lương Văn T2, cả ba cùng nhau đưa toàn bộ tài sản vừa lấy trộm về nhà Trần Văn T rồi dùng xe mô tô biển kiểm soát 73N2-0684 của Trần Văn T và xe mô tô biển kiểm soát 37B2-303.80 của Lương Văn T2 chở toàn bộ tài sản lấy trộm được đưa đến nhà anh Trần Đình Th1 tại Tổ dân phố C, phường T, thị xã B cất giấu. Sau đó, Trần Văn T, Lương Văn T2 và Lương Văn T1 về lại nhà của Trần Văn T uống bia và đi ngủ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 45/HĐ ngày 31/8/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Ba Đồn đã kết luận: Tổng trị giá các tài sản của anh Hồ Đắc Th và anh Nguyễn Tiến Đ tại thời điểm bị các bị cáo chiếm đoạt là 19.070.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ và xử lý các vật chứng của vụ án như sau:

Tạm giữ: 01 thanh kim loại màu đen, dài 80cm, đường kính 1,5cm có hình móc câu, hai đầu được đập dẹp; 01 tuốc nơ vít dài khoảng 20cm, loại 4 chấu, cán làm bằng nhựa màu đỏ.

Tạm giữ và xử lý trả lại cho chủ sở hữu anh Nguyễn Tiến Đ: 01 máy hàn nhãn hiệu WELDCOM VARC 200 màu đỏ - đen và 01 máy đục bê tông GOMES GB 5814 màu đỏ;

Tạm giữ và xử lý trả lại cho chủ sở hữu anh Hồ Đắc Th 01 máy hàn nhãn hiệu BTEC màu đỏ - đen, số hiệu MMA200; 01 máy hàn nhãn hiệu WELDCOM JASIC màu cam; 01 máy hàn nhãn hiệu DOOSUNG ARC 200P màu vàng đen; 01 máy khoan bê tông nhãn hiệu BOSCH màu đỏ đen, số hiệu GBH2-26DE;

Tạm giữ và xử lý trả lại cho chủ sở hữu anh Lương Văn H 01 xe mô tô nhãn hiệu Detech sơn màu đỏ - đen, biển kiểm soát 37B2-303.83; 01 máy mài nhãn hiệu KAIZEN lại HK 200Z, sơn màu xanh; 01 máy hàn điện nhãn hiệu Hồng Ký, loại QUE INVETER HK200Z, sơn màu xanh;

Tạm giữ và xử lý trả lại cho chủ sở hữu chị Trần Thị H 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Dream sơn màu trắng - đen, biển kiểm soát 73N2-0684.

Tạm giữ và xử lý trả lại cho chủ sở hữu Lương Văn T1 01 Chứng minh nhân dân số 186987782; cho Lương Văn T2 01 Chứng minh nhân dân số 187052522; cho Hà Văn L 02 Chứng minh nhân dân số 186593034; cho Trần Văn T 01 Căn cước công dân số 044071001212.

Quá trình điều tra, Trần Văn T, Lương Văn T2, Lương Văn T1, Hà Văn L đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho anh Hồ Đắc Th số tiền 5.000.000 đồng. Anh Th đã nhận đủ số tiền này và làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 33/CT-VKSNDTXBD ngày 06 tháng 11 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình đã truy tố các bị cáo Trần Văn T, Lương Văn T2, Lương Văn T1, Hà Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 18 – 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 – 48 tháng; áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 36; các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo Lương Văn T2 và Lương Văn T1 mỗi bị cáo từ 15 – 18 tháng cải tạo không giam giữ; phạt bị cáo Hà Văn L từ 09 – 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Các bị cáo đều nhất trí tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với mình, không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đều trình bày là đã nhận thức được sự sai trái trong hành vi của mình và cam kết sẽ không tái phạm, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thị xã Ba Đồn, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, việc bắt để tạm giam, thu giữ các tang vật của vụ án và các hành vi, quyết định tố tụng khác của Điều tra viên đều được thực hiện đúng pháp luật. Việc truy tố của Viện kiểm sát là đúng thẩm quyền, tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định.

[2] Về hành vi phạm tội: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn T, Lương Văn T2, Lương Văn T1, Hà Văn L đều thống nhất khai nhận: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 28/8/2018, các bị cáo đã lén lút đột nhập vào nhà kho chứa máy móc phục vụ thi công công trình Trường Mầm non Quảng Thuận của anh Đạt và anh Thông và lấy trộm 04 máy hàn, 01 máy đục bê tông và 01 máy khoan bê tông; tổng giá trị tài sản mà các bị cáo lấy trộm có trị giá là 19.070.000 đồng. Xét thấy diễn biến hành vi phạm tội các bị cáo khai nhận phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cũng như các tài liệu chứng cứ khác được thu thập tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận: các bị cáo Trần Văn T, Lương Văn T2, Lương Văn T1, Hà Văn L đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo đã gây nguy hiểm đến xã hội, không những đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại mà còn làm mất trật tự trị an trong địa bàn, làm chậm trễ tiến độ thi công công trình của địa phương. Các bị cáo đều là những người có sức khỏe, có nhận thức đầy đủ nhưng chỉ vì lòng tham, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác nên đã thực hiện hành vi phạm

tội. Hành vi của các bị cáo cho thấy các bị cáo là đối tượng có ý thức coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự để xử phạt nghiêm khắc đối với bị cáo nhằm đảm bảo răn đe, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

Trong vụ án này, có 4 bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi trộm cắp nhưng giữa các bị cáo không có sự hẹn hò, bàn bạc, phân công nhau từ trước mà chỉ bột phát nhất thời, sau khi nghe Trần Văn T nói về việc xích mích của mình với nhóm thợ khác thì nảy sinh ý định trộm cắp để trả đũa nên hành vi của các bị cáo chỉ là đồng phạm ở mức đơn giản.

Trong các bị cáo thì Trần Văn T là người đã lớn tuổi, đã từng vi phạm pháp luật và bị xử phạt nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tự rèn L bản thân và làm gương cho người khác mà lại tiếp tục nảy sinh ý định phạm tội. Trần Văn T là người nảy sinh ý định trộm cắp và đề xướng để các bị cáo khác cùng thực hiện, tích cực tìm nơi cất giấu tài sản trộm cắp nên phải chịu trách nhiệm ở mức độ cao nhất đối với hành vi của mình.

Lương Văn T2 và Lương Văn T1, mặc dù không có ý định trộm cắp nhưng vì lòng tham nên ngay khi nghe Trần Văn T khởi xướng trộm cắp thì Lương Văn T2 và T1 đều không can ngăn mà hưởng ứng ngay, tích cực, chủ động tìm công cụ, phá cửa và lục tìm tài sản, mang tài sản đi cất giấu. Xét thấy mức độ hành vi của T1 và Lương Văn T2 là tương đương, vì vậy, Lương Văn T2 và T1 đều phải chịu trách nhiệm ngang nhau về hành vi của mình sau Trần Văn T với mức hình phạt phù hợp.

Riêng Hà Văn L, xét thấy L chỉ tham gia thực hiện hành vi trộm cắp 1 lần, hành vi của L là giúp sức mang một chiếc máy hàn vào nhà chứ không trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, nên Hà Văn L chịu trách nhiệm sau các bị cáo khác tương ứng với mức độ hành vi của mình.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt: Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại và người bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã thu giữ kịp thời và giao trả cho người bị hại nên chưa gây ra thiệt hại lớn; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Lương Văn T2, Lương Văn T1, Hà Văn L mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt: Qua xem xét, Hội đồng xét xử thấy rằng, hành vi của các bị cáo mới ở mức độ ít nghiêm trọng, các bị cáo đều có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, gia đình các bị cáo có cam kết về quản lý, giáo dục các bị cáo khi về địa phương, các bị cáo đều có thái độ ăn năn hối cải nên nghĩ chưa cần phải cách ly các bị cáo để giáo dục, cải tạo mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương là cũng đủ nghiêm. Trong đó, vai trò của bị cáo Trần Văn T là người khởi xướng việc phạm tội nên cần ấn định hình phạt tù đối với bị cáo, tuy nhiên xét bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, sau khi được xóa án tích nhân thân bị cáo tương đối tốt nên cần vận dụng chính sách nhân đạo cho bị cáo được hưởng án treo. Đối với các bị cáo Lương Văn T2, Lương Văn T1, Hà

Văn L đều đóng vai trò thứ yếu nên cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp. Thời gian các bị cáo bị tạm giam được khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Các bị cáo Lương Văn T2, Lương Văn T1, Hà Văn L đều là lao động tự do, công việc và thu nhập không ổn định nên không xem xét áp dụng biện pháp khấu trừ một phần thu nhập của các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy các bị hại đã nhận được toàn bộ các tài sản bị lấy trộm, nhận đầy đủ số tiền bồi thường thiệt hại theo thỏa thuận với các bị cáo; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản của mình mà đều không có yêu cầu gì thêm về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề này.

[7] Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu các tài sản bị lấy trộm và các tài sản khác. Các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì thêm. Xét thấy việc thu giữ và xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra là đúng quy định của pháp luật, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm về phần này. Đối với 01 thanh kim loại và 01 tua vít còn tạm giữ, xét thấy đây là công cụ để phạm tội nên cần căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Các bị cáo Trần Văn T, Lương Văn T2, Lương Văn T1, Hà Văn L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T, Lương Văn T2, Lương Văn T1, Hà Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Phạt bị cáo Trần Văn T 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo: Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình và gia đình phối hợp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 36; các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

+ Phạt bị cáo Lương Văn T2 18 (Mười tám) tháng Cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giam trước đây là 49 (Bốn mươi chín) ngày (từ ngày 31/8/2018 đến ngày 18/10/2018) được quy đổi thành 147 (Một trăm bốn mươi bảy) ngày tức là 04 (Bốn) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ; hình phạt còn lại bị cáo phải chấp hành là 13 (Mười ba) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Phạt bị cáo Lương Văn T1 18 (Mười tám) tháng Cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giam trước đây là 49 (Bốn mươi chín) ngày (từ ngày 31/8/2018 đến ngày 18/10/2018) được quy đổi thành 147 (Một trăm bốn mươi bảy) ngày tức là 04 (Bốn) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ; hình phạt còn lại bị cáo phải chấp hành là 13 (Mười ba) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

+ Phạt bị cáo Hà Văn L 09 (Chín) tháng Cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giam trước đây là 49 (Bốn mươi chín) ngày (từ ngày 31/8/2018 đến ngày 18/10/2018) được quy đổi thành 147 (Một trăm bốn mươi bảy) ngày tức là 04 (Bốn) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ; hình phạt còn lại bị cáo phải chấp hành là 04 (Bốn) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Lương Văn T2, Lương Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Ngh, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

Giao bị cáo Hà Văn L cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Ngh, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

Không áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập của các bị cáo Lương Văn T2, Lương Văn T1, Hà Văn L trong thời gian chấp hành hình phạt.

3. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không xem xét.

4. Về vật chứng vụ án:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 thanh kim loại và 01 tua vít (có đặc điểm như mô tả tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/11/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B).

5. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Trần Văn T, Lương Văn T2, Lương Văn T1, Hà Văn L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với những người có mặt) và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định (đối với người vắng mặt).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Công an thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu